

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã
và kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác ở xã trình HĐND cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm ngày 19/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ biên bản thảo luận ngày 31/10/2021 về kế hoạch thu- chi ngân sách
năm 2022 xã Văn Yên.

Xét đề nghị của Ban tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách xã trình HĐND cấp xã.
(Theo các biểu mẫu số 103;104;105/; 106;107 CK - NSNN về thuyết minh kèm theo quyết
định này)

Điều 2. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Văn Yên, Ban tài chính thực hiện
công khai trên công thông tin điện tử xã Văn Yên./.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Dang uy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Thắng

CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: nghìn đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.022.415.000	TỔNG SỐ CHI	6.022.415.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	150.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		II. Chi thường xuyên	5.700.088.000
III. Thu bổ sung	5.736.111.000	III. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để chi cải cách tiền lương	81.023.000
- Bổ sung cân đối	5.736.111.000		
- Bổ sung có mục tiêu	0		
IV. Thu chuyển nguồn	136.304.000	IV. Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang	136.304.000
V. Thu quản lý qua ngân sách		V. Dự phòng	105.000.000

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021		DỰ TOÁN NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	9.232.823.243	9.232.823.243	6.022.415.000	6.022.415.000		
I	Các khoản thu 100%	70.364.324	70.364.324	67.000.000	67.000.000		
	Phí, lệ phí	37.325.000	37.325.000	36.000.000	36.000.000		
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.700.000	5.700.000	6.000.000	6.000.000		
	Thu khác	33.039.324	33.039.324	25.000.000	25.000.000		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	109.809.714	109.809.714	70.000.000	70.000.000		
1	Các khoản thu phân chia						
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	572.814	572.814				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	30.677.005	30.677.005				
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	72.859.900	72.859.900	70.000.000	70.000.000		
	- Thuế hộ khoán cố định (GTGT)	12.923.284	12.923.284	13.000.000	13.000.000		
	- Thuế TNCN từ chuyển nhượng BDS	63.517.173	63.517.173	50.000.000	50.000.000		
	- Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	6.536.647	6.536.647	7.000.000	7.000.000		



		-10.117.204	-10.117.204			
-Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công						
III Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV Thu chuyển nguồn	90.251.000	90.251.000	136.304.000	136.304.000	85,62	85,62
V Thu kết dư ngân sách năm trước	134.248.405	134.248.405				
VI Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			5.736.111.000	5.736.111.000		
- Thu bổ sung cân đối	4.32.816.000	4.32.816.000	5.736.111.000	5.736.111.000		
- Thu bổ sung có mục tiêu	4.506.333.800	4.506.333.800	0	0		





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2022			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	5.783.718.000			6.022.415.000	06.022.415.000				
	Trong đó									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	80.460.000			80.460.000		80.460.000			
4	Chi văn hóa, thông tin	100.000.000			31.500.000		31.500.000			
5	Chi phát thanh, truyền thanh	6.000.000								
6	Chi thể dục thể thao	22.500.000			22.500.000		22.500.000			
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	22.500.000			131.500.000		131.500.000			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.128.658.000			5.200.128.000		5.200.128.000			
10	Chi cho công tác xã hội	230.000.000			224.000.000		224.000.000			
11	Chi khác				10.000.000		10.000.000			
12	Dự phòng ngân sách	55.000.000			105.000.000		105.000.000			
13	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để chi cải cách tiền lương	75.100.000			81.023.000		81.023.000			
14	Nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang				136.304.000		136.304.000			



Biểu số 106/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 0 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2019	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2019	Dự toán năm 2020				
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn			
TỔNG SỐ										
1. Công trình chuyển tiếp										
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>										
2. Công trình khởi công mới										
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>										

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh



KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021 (năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM 2022		
	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ				140.000.000	135.000.000	
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
- Quỹ Nhân đạo	17.087.000	12.000.000	5.087.000	20.000.000	20.000.000	0
- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	22.335.000	0	22.335.000	20.000.000	20.000.000	0
- Quỹ vì người nghèo	27.018.000	11.150.000	15.868.000	20.000.000	20.000.000	0
- Quỹ Bảo trợ trẻ em	15.193.000	18.140.000	-2.947.000	15.000.000	15.000.000	0
- Quỹ Người cao tuổi	32.622.000	22.105.000	10.517.000	25.000.000	20.000.000	5.000.000
- Quỹ Tết vì người nghèo	30.543.000	30.543.000	0			
- Quỹ phòng chống thiên tai						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
				40.000.000	40.000.000	0

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi